



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC**
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

NP. 01/2017

Số: 572 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 02 năm 2015 từ trang 3 đến trang 18, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 02 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2737-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		161.631.036.122		186.616.655.677	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	87.464.657.705		122.430.581.814	
1. Tiền	111		19.464.657.705		82.430.581.814	
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.000.000.000		40.000.000.000	
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.293.330.517		6.348.729.510	
1. Phải thu khách hàng	131		2.337.404.066		5.373.135.817	
2. Trả trước cho người bán	132		30.878.470.020		687.019.000	
3. Các khoản phải thu khác	135		77.456.431		288.574.693	
III. Hàng tồn kho	140	6	40.293.349.975		55.253.639.502	
1. Hàng tồn kho	141		40.293.349.975		55.253.639.502	
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		579.697.925		2.583.704.851	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		146.204.333		158.411.546	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		433.493.592		2.267.293.305	
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		-		158.000.000	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		29.110.670.163		23.514.617.176	
I. Tài sản cố định	220		21.433.387.444		22.945.569.903	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	21.421.508.062		22.917.467.188	
- Nguyên giá	222		33.231.714.647		32.093.647.253	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.810.206.585)		(9.176.180.065)	
2. Tài sản cố định vô hình	227		11.879.382		28.102.715	
- Nguyên giá	228		48.670.000		48.670.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(36.790.618)		(20.567.285)	
II. Tài sản dài hạn khác	260		7.677.282.719		569.047.273	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	5.241.588.455		569.047.273	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9	2.435.694.264		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		190.741.706.285		210.131.272.853	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		43.258.989.262	63.285.238.254
I. Nợ ngắn hạn	310		43.258.989.262	63.285.238.254
1. Phải trả người bán	312		15.977.138.308	25.531.925.355
2. Người mua trả tiền trước	313		9.135.019.177	23.500.549.089
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	4.080.491.933	1.242.481.440
4. Phải trả người lao động	315		-	2.650.608.459
5. Chi phí phải trả	316		3.229.312.033	519.186.618
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	7.944.069.612	5.531.342.836
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.892.958.199	4.309.144.457
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		147.482.717.023	146.846.034.599
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	147.482.717.023	146.846.034.599
1. Vốn điều lệ	411		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.297.277.832	4.297.277.832
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.701.747.918	3.393.707.775
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		18.483.691.273	19.155.048.992
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		190.741.706.285	210.131.272.853

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ

31/12/2014

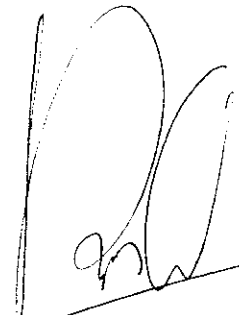
31/12/2013

71.911.148.915


55.316.784.677

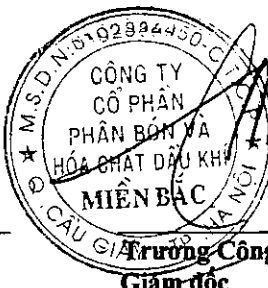


Nguyễn Thị Thu Hà
Người lập biểu



Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng





Trương Công Minh
Giám đốc

Ngày 10 tháng 02 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

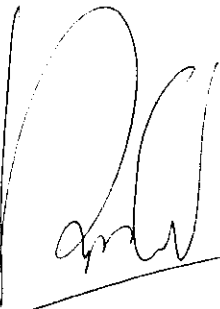
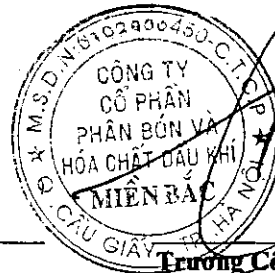
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	1.261.354.989.389	1.356.381.136.570
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	15.583.390.517	4.366.848.944
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	14	1.245.771.598.872	1.352.014.287.626
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	1.177.391.125.507	1.272.259.542.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		68.380.473.365	79.754.744.913
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	2.776.840.337	3.609.830.580
7. Chi phí bán hàng	24		26.514.105.567	35.122.425.953
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.181.766.723	18.975.397.415
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(24+25))	30		29.461.441.412	29.266.752.125
10. Thu nhập khác	31		4.639.826.495	2.855.235.863
11. Chi phí khác	32		-	3.043.750
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.639.826.495	2.852.192.113
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34.101.267.907	32.118.944.238
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	10.376.159.319	8.138.317.102
15. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	9	(2.435.694.264)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		26.160.802.852	23.980.627.136
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.180	1.998


Nguyễn Thị Thu Hà
Người lập biểu

Trần Anh Dũng
Kế toán trưởngTrương Công Minh
Giám đốc

Ngày 10 tháng 02 năm 2015

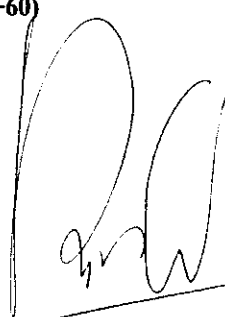
Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

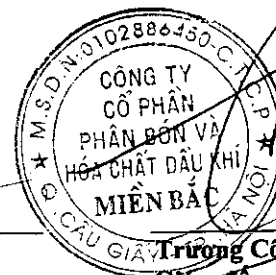
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34.101.267.907	32.118.944.238
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.650.249.853	2.726.930.712
- Các khoản dự phòng	03	-	(1.244.478.966)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.776.840.337)	(3.616.240.580)
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.974.677.423	29.985.155.404
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(26.890.477.909)	20.588.179.498
- Thay đổi hàng tồn kho	10	14.960.289.527	(22.445.311.750)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.406.308.172)	38.503.449.885
- Thay đổi chi phí trả trước và các tài sản khác	12	(2.668.534.256)	601.153.750
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.579.913.881)	(3.536.653.265)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	500.000	1.990.208.500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.340.806.686)	(6.942.488.529)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(14.950.573.954)</i>	<i>58.743.693.493</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.138.067.394)	(261.614.229)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	6.410.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.722.717.239	3.623.314.742
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>1.584.649.845</i>	<i>3.368.110.513</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.600.000.000)	(20.400.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(21.600.000.000)</i>	<i>(20.400.000.000)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	<i>(34.965.924.109)</i>	<i>41.711.804.006</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	122.430.581.814	80.718.777.808
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	87.464.657.705	122.430.581.814


 Nguyễn Thị Thu Hà
 Người lập biểu


 Trần Anh Dũng
 Kế toán trưởng




 Trương Công Minh
 Giám đốc

Ngày 10 tháng 02 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (“Công ty”), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 3 năm 2012 (cấp lần đầu ngày 19 tháng 8 năm 2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 ngày 19 tháng 8 năm 2008, thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 52 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 54 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Bán buôn phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán lẻ hàng hóa phân bón (trừ loại Nhà nước cấm), hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật); Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Quảng cáo; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ước tính kế toán (Tiếp theo)

thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Tài sản cố định khác	4

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền trang web, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, bản quyền trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện số tiền thuê văn phòng cho nhiều kỳ đã được thanh toán cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà NộiBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	82.816.165	81.772.637
Tiền gửi ngân hàng	19.381.841.540	82.348.809.177
Các khoản tương đương tiền (*)	68.000.000.000	40.000.000.000
	87.464.657.705	122.430.581.814

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4%/năm đến 4,5%/năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng đi đường	-	3.666.666.667
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	219.252.727
Công cụ dụng cụ	19.140.000	-
Hàng hóa	40.274.209.975	51.367.720.108
Cộng	40.293.349.975	55.253.639.502
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	40.293.349.975	55.253.639.502

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	27.482.538.004	2.714.643.617	1.896.465.632	-	32.093.647.253
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	594.774.194	-	-	543.293.200	1.138.067.394
Tại ngày 31/12/2014	28.077.312.198	2.714.643.617	1.896.465.632	543.293.200	33.231.714.647
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	6.389.381.262	1.368.387.423	1.418.411.380	-	9.176.180.065
Khấu hao trong năm	1.932.182.693	474.742.184	192.866.730	34.234.913	2.634.026.520
Tại ngày 31/12/2014	8.321.563.955	1.843.129.607	1.611.278.110	34.234.913	11.810.206.585
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	19.755.748.243	871.514.010	285.187.522	509.058.287	21.421.508.062
Tại ngày 31/12/2013	21.093.156.742	1.346.256.194	478.054.252	-	22.917.467.188

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.962.763.669 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.115.602.860 đồng).

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng	4.935.184.500	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	306.403.955	569.047.273
	5.241.588.455	569.047.273

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Chi phí trích trước chưa có hóa đơn VND	Chiết khấu thương mại tạm tính VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	-	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoản lại ghi nhận trong năm	710.448.647	1.725.245.617	2.435.694.264
Tại ngày 31/12/2014	<u>710.448.647</u>	<u>1.725.245.617</u>	<u>2.435.694.264</u>

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.921.886.758	1.125.641.320
Thuế thu nhập cá nhân	158.605.175	116.840.120
	<u>4.080.491.933</u>	<u>1.242.481.440</u>

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HÀNG KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chiết khấu thương mại	7.842.025.530	4.366.848.944
Phải trả, phải nợ khác	102.044.082	1.164.493.892
	<u>7.944.069.612</u>	<u>5.531.342.836</u>

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	120.000.000.000	4.325.783.862	2.208.929.423	20.970.232.050	147.504.945.335
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.980.627.136	23.980.627.136
Điều chỉnh lợi nhuận tạm phân phối năm 2012	-	(28.506.030)	(14.253.015)	(599.684.757)	(642.443.802)
Trích quỹ	-	-	1.199.031.367	(4.796.125.437)	(3.597.094.070)
Chia cổ tức	-	-	-	(20.400.000.000)	(20.400.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	120.000.000.000	4.297.277.832	3.393.707.775	19.155.048.992	146.846.034.599
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	26.160.802.852	26.160.802.852
Trích quỹ (i)	-	-	1.308.040.143	(5.232.160.571)	(3.924.120.428)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(21.600.000.000)	(21.600.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	<u>120.000.000.000</u>	<u>4.297.277.832</u>	<u>4.701.747.918</u>	<u>18.483.691.273</u>	<u>147.482.717.023</u>

- (i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 08/NQ-ĐHCĐ ngày 07 tháng 4 năm 2014, cổ tức năm 2013 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 20.400.000.000 đồng. Năm 2013, Công ty đã tạm chia cho các cổ đông 8.400.000.000 đồng, phần còn lại 12.000.000.000 đồng đã được chi trả bằng tiền trong năm 2014. Công ty cũng tạm chia cổ tức năm 2014 với số tiền 9.600.000.000 đồng, tương đương 8% vốn điều lệ.

Ngoài ra, Công ty thực hiện tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 15% lợi nhuận sau thuế và quỹ dự phòng tài chính bằng 5% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp đến ngày 31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	90.000.000.000	75	90.000.000.000	75
Công ty TNHH Toàn Xuân	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3
Công ty TNHH Hồng Thành	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3
Công ty TNHH Bằng Tuyên	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	3.600.000.000	3	3.600.000.000	3
Các cổ đông khác	12.000.000.000	10	12.000.000.000	10
	120.000.000.000	100	120.000.000.000	100

13. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 14 và số 15.

14. DOANH THU

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	1.090.493.169.986	1.225.711.469.988
Doanh thu hàng hóa khác	156.279.428.797	112.894.471.588
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.582.390.606	17.775.194.994
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.261.354.989.389	1.356.381.136.570
Chiết khấu thương mại	(15.583.390.517)	(4.366.848.944)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.245.771.598.872	1.352.014.287.626

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn Ure Phú Mỹ	1.012.013.139.309	1.143.609.584.524
Giá vốn hàng hóa khác	151.711.615.952	111.810.105.684
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.666.370.246	16.839.852.505
	1.177.391.125.507	1.272.259.542.713

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.353.761.393	14.716.765.969
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.650.249.853	2.726.930.712
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.627.541.596	48.878.018.671
Chi phí khác	4.063.029.032	4.568.951.188
	41.694.581.874	70.890.666.540

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu phản ánh khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng phát sinh trong năm tại các ngân hàng thương mại.

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	34.101.267.907	32.118.944.238
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	767.625.834	434.324.167
Chi phí chiết khấu và chi phí trích trước	11.071.337.563	-
Thu nhập không tính thuế	4.595.379.475	-
Thu nhập chịu thuế	41.344.851.829	32.553.268.405
Thuế suất	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.095.867.402	8.138.317.102
Thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2013 bổ sung	1.280.291.917	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.376.159.319	8.138.317.102

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.378.798.712	2.767.549.882

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.974.073.800	2.731.641.964
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.961.110.700	-

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện chi phí thuê văn phòng theo Hợp đồng số 1521/2011/HĐ-VĐKVN/PVFCCo North ký kết ngày 10 tháng 6 năm 2011 và Phụ lục số 2 ngày 14 tháng 5 năm 2014 về việc gia hạn thời gian thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.464.657.705	122.430.581.814
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.414.860.497	5.661.710.510
Tổng cộng	89.879.518.202	128.092.292.324
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	23.888.453.556	31.031.981.770
Chi phí phải trả	155.562.902	519.186.618
Tổng cộng	24.044.016.458	31.551.168.388

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.464.657.705	-	87.464.657.705
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.414.860.497	-	2.414.860.497
Tổng cộng	89.879.518.202	-	89.879.518.202

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	23.888.453.556	-	23.888.453.556
Chi phí phải trả	155.562.902	-	155.562.902
Tổng cộng	24.044.016.458	-	24.044.016.458

Chênh lệch thanh khoản thuần	65.835.501.744	-	65.835.501.744
-------------------------------------	-----------------------	----------	-----------------------

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.430.581.814	-	122.430.581.814
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.661.710.510	-	5.661.710.510
Tổng cộng	128.092.292.324	-	128.092.292.324

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	31.031.981.770	-	31.031.981.770
Chi phí phải trả	519.186.618	-	519.186.618
Tổng cộng	31.551.168.388	-	31.551.168.388

Chênh lệch thanh khoản thuần	96.541.123.936	-	96.541.123.936
-------------------------------------	-----------------------	----------	-----------------------

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Toàn Xuân	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Hồng Thành	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	Cổ đông của Công ty
Công ty TNHH Bằng Tuyên	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	Cổ đông của Công ty
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Sơn	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	Cổ đông của Công ty
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Thanh Hoá	Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	Công ty cùng tập đoàn dầu khí
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Mua hàng hóa		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.002.671.240.778	1.144.800.108.749
CN Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	56.726.662.080	22.015.529.389
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	-	9.745.703.167
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	321.189.442	513.806.661
Công ty Cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Dầu khí	928.756.457	-
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	49.687.307.474	22.069.728.095
Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hoá	1.393.161.784	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	272.771.400	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	-	9.781.693.333
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	-	205.909.093
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	-	841.511.950
Công ty CP Du Lịch Dầu khí Phương Đông	123.785.938	-
Viện Dầu khí Việt Nam	7.503.562.745	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	13.482.178.559	18.962.819.735
CN Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	784.943.376	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	8.950.009.524	14.497.214.286
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Sơn	18.196.761.905	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	14.313.333.336	18.302.261.901
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	25.549.428.574	25.122.380.952
Công ty TNHH Toàn Xuân	28.621.710.481	65.933.333.334
Công ty TNHH Hồng Thành	52.905.207.624	56.495.290.651
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	46.502.361.891	53.582.935.717
Công ty TNHH Bằng Tuyên	36.738.529.146	48.359.302.382
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	55.128.161.909	63.901.539.040
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	50.503.859.505	52.897.319.516
Công ty TNHH Phú Mỹ Hưng	-	5.304.761.905
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	59.732.584.947	46.707.780.940

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮCTầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
173 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Thu nhập của Ban Giám đốc và Chủ tịch Công ty

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	3.173.651.547	3.050.470.611

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng		
CN Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	55.514.003	5.373.135.817
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.281.890.063	-
Các khoản ứng trước cho người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	30.878.470.020	103.490.400
Các khoản phải trả người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	358.479.066	328.042.674
CN Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	14.858.560.200	22.731.634.705
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hoá	-	53.372.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	80.074.968	2.335.300
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	46.069.914	-
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	14.652.000	-
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.034.550.000
Các khoản người mua trả tiền trước		
Công ty TNHH Toàn Xuân	189.700.000	1.670.000.000
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	-	1.670.419.129
Công ty TNHH Bằng Tuyên	287.900.000	1.670.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	60.096.903	1.670.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	-	1.670.000.000

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Nguyễn Thị Thu Hà
Người lập biểuTrần Anh Dũng
Kế toán trưởngTrương Công Minh
Giám đốc

Ngày 10 tháng 02 năm 2015